

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành lập ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 86/2022/TLST - KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Đăng ký kinh doanh số: 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ **13 ngày 17/02/2021**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T**. Chức danh: Tổng Giám đốc; **Đại diện theo ủy quyền:** Ông **Trịnh Xuân L** - Chức danh: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Đại diện ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Hoàng S** - Giám đốc Phòng giao dịch D thuộc Ngân hàng N – Chi nhánh D (Theo Giấy ủy quyền số 420/UQ-NHNoĐA ngày 07/6/2022 của Giám đốc Ngân hàng N)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn H, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1956 (mẹ anh H)

3.2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 (anh trai anh H)

3.3. Chị Phan Thị C, sinh năm 1980 (vợ anh Phú)

3.4. Cháu Nguyễn Quốc Vượng, sinh năm 2004 (con anh P, chị C)

3.5. Cháu Nguyễn Sông Hương, sinh năm 2007 (con anh P, chị C)

3.6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (vợ anh H)

Đều cư trú: Thôn H, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện cho cháu H, cháu V: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 và Chị Phan Thị C, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn H, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội

II/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền vay nợ: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là **3,133,007,713 đồng**. Trong đó: Số nợ gốc: **1,913,100,000 đồng**; Số nợ lãi trong hạn: **1,084,951,975 đồng**; Số nợ lãi quá hạn: **208,682,488 đồng** theo Hợp đồng tín dụng số **3140LAV 201603441** ngày 20/6/2016.

2. Phương thức trả nợ như sau: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T trả Ngân hàng số tiền trên trong thời hạn 18 tháng, kể từ tháng 7/2022 đến hết ngày 31/12/2023. Hàng tháng vợ chồng anh H, chị T phải Ngân hàng số tiền 5.000.000đ/1 tháng (số tiền này được trừ vào nợ gốc) vào ngày 25 hàng tháng. Đến ngày 31/12/2023, vợ chồng anh H, chị T phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi còn lại. Anh H, chị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng trên dư nợ gốc từ ngày 13/7/2022 theo lãi suất của số **3140LAV 201603441** ngày 20/6/2016 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trong trường hợp vợ chồng anh H, chị T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Thôn H, xã V, huyện Đ, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BG 122791** do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2011 mang tên bà Ngô Thị Q

4. Về án phí KDTM: Tổng số tiền án phí là **94,660,154 đồng**. Do các bên thỏa thuận được nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2} = 47,330,077$ đồng. Anh H tự nguyện chịu cả toàn bộ số tiền án phí. Ngân hàng N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **40,366,000 đồng** theo biên lai thu số AA/2020/0046589 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng

